

## BÁO CÁO

### Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2018

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của HĐND thành phố khóa XI – Kỳ họp thứ 5 về dự toán ngân sách thành phố năm 2018 và phương án phân bổ ngân sách thành phố năm 2018.

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND thành phố khóa XI – Kỳ họp thứ 6 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018.

Trên cơ sở dự toán ngân sách thành phố năm 2018 được HĐND tỉnh điều chỉnh theo dự toán Bộ Tài chính giao, UBND thành phố báo cáo dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 được điều chỉnh như sau:

**I/ Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 được giao theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 21/12/2017 của HĐND thành phố:**

1/ Thu NSNN trên địa bàn là 4.895,745 tỷ đồng.

2/ Cân đối ngân sách địa phương:

2.1/ Tổng thu NSDP : 1.878,637 tỷ đồng

Trong đó:

- Các khoản thu 100% : 785,195 tỷ đồng

- Thu phân chia theo tỷ lệ % : 712,379 tỷ đồng

- Thu kết dư năm 2017 : 346,325 tỷ đồng

- Thu chuyển nguồn : 34,738 tỷ đồng

2.2/ Tổng chi NSDP : 1.868,704 tỷ đồng

Trong đó:

- Ngân sách cấp thành phố : 1.672,748 tỷ đồng

- Ngân sách cấp xã : 195,956 tỷ đồng

3/ Cân đối ngân sách thành phố:

3.1/ Thu ngân sách thành phố : 1.764,701 tỷ đồng

Trong đó:

- Các khoản thu 100% : 719,015 tỷ đồng

- Thu phân chia theo tỷ lệ % : 674,959 tỷ đồng

- Thu kết dư năm 2017 : 341,523 tỷ đồng

- Thu chuyển nguồn : 29,204 tỷ đồng

3.2/ Chi ngân sách thành phố : 1.764,701 tỷ đồng  
(Trong đó chi bổ sung cho ngân sách xã: 91,953 tỷ đồng)

4/ Cân đối ngân sách xã:

4.1/ Thu ngân sách xã : 205,889 tỷ đồng

Trong đó:

- Các khoản thu 100% : 66,180 tỷ đồng

- Thu phân chia theo tỷ lệ % : 37,420 tỷ đồng

- Thu kết dư năm 2017 : 4,802 tỷ đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách TP : 91,953 tỷ đồng

- Thu chuyển nguồn : 5,534 tỷ đồng

4.2/ Chi ngân sách xã : 195,956 tỷ đồng

**II/ Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 đề nghị điều chỉnh (do HĐND tỉnh dự kiến điều chỉnh theo dự toán Bộ Tài chính giao):**

1/ Thu NSNN trên địa bàn là 5.553,915 tỷ đồng, tăng 658,170 tỷ đồng, bằng 113% so với dự toán đầu năm. Dự toán thu được điều chỉnh theo dự toán HĐND tỉnh dự kiến điều chỉnh.

(chi tiết theo Biểu số 16)

2/ Cân đối ngân sách địa phương (chi tiết theo Biểu số 15 và 30)

2.1/ Tổng thu NSDP : 1.944,182 tỷ đồng

(Tổng thu NSDP tăng 65,545 tỷ đồng, bằng 103% dự toán đầu năm)

Trong đó:

- Các khoản thu 100% : 876,465 tỷ đồng

- Thu phân chia theo tỷ lệ % : 826,625 tỷ đồng

- Thu kết dư năm 2017 : 206,354 tỷ đồng

- Thu chuyển nguồn : 34,738 tỷ đồng

2.2/ Tổng chi NSDP : 1.934,249 tỷ đồng

(Tổng chi NSDP tăng 65,545 tỷ đồng, bằng 104% dự toán đầu năm)

Trong đó:

- Ngân sách cấp thành phố : 1.738,293 tỷ đồng

- Ngân sách cấp xã : 195,956 tỷ đồng

3/ Cân đối ngân sách thành phố (chi tiết theo Biểu số 30)

3.1/ Thu ngân sách thành phố : 1.830,246 tỷ đồng

(Thu ngân sách thành phố tăng 65,545 tỷ đồng, bằng 104% dự toán đầu năm)

Trong đó:

- Các khoản thu 100% : 810,285 tỷ đồng
- Thu phân chia theo tỷ lệ % : 789,205 tỷ đồng
- Thu kết dư năm 2017 : 201,552 tỷ đồng
- Thu chuyên nguồn : 29,204 tỷ đồng
- 3.2/ Chi ngân sách thành phố : 1.830,246 tỷ đồng

(Chi ngân sách thành phố tăng 65,545 tỷ đồng, bằng 104% dự toán đầu năm)

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển : 437,776 tỷ đồng

Điều chỉnh giảm 41,157 tỷ đồng, bằng 91% dự toán đầu năm theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND thành phố khóa XI – Kỳ họp thứ 6 về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2018.

- Chi thường xuyên : 1.115,551 tỷ đồng
- Dự phòng chi : 31,342 tỷ đồng

Điều chỉnh tăng 8,694 tỷ đồng, bằng 138% dự toán đầu năm để trích đủ dự phòng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 12/12/2016 của HĐND tỉnh.

- Chi tạo nguồn CCTL : 153,624 tỷ đồng

Điều chỉnh tăng 98,008 tỷ đồng, bằng 276% dự toán đầu năm để trích đủ nguồn CCTL theo quy định.

- Chi bổ sung cho ngân sách xã : 91,953 tỷ đồng

4/ Cân đối ngân sách xã: không điều chỉnh.

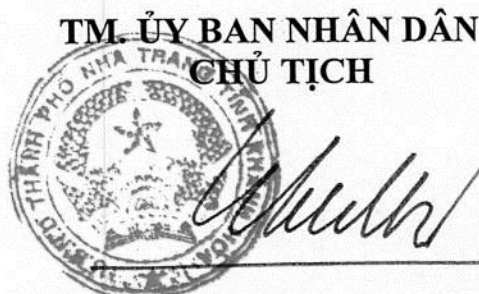
- 4.1/ Thu ngân sách xã : 205,889 tỷ đồng
- 4.2/ Chi ngân sách xã : 195,956 tỷ đồng

(chi tiết theo Biểu số 30)

Trên đây là báo cáo về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2018. UBND thành phố kính trình HĐND thành phố./.

**Nơi nhận:**

- TT Thành ủy - HĐND TP;
- Các đại biểu HĐND TP;
- Các thành viên UBND TP;
- Các phòng ban, công ty;
- Chánh, Phó VPTH;
- Lưu: VT.



**Lê Hữu Thọ**

**ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2018**

(Kèm theo báo cáo số 8658 /UBND-TCKH ngày 05 / 12 / 2018 của UBND thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự toán 2018					
		Dự toán đầu năm		Điều chỉnh		Chênh lệch	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3-1	6=4-2
	<b>TỔNG THU NSNN</b>	<b>4.895.745</b>	<b>1.497.574</b>	<b>5.553.915</b>	<b>1.703.090</b>	<b>658.170</b>	<b>205.516</b>
	<b>Thu nội địa</b>						
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý						
3	Thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.774.980	747.439	3.216.250	863.555	441.270	116.116
	- Cục thuế thu	1.950.080	524.529	2.266.250	607.675	316.170	83.146
	+ Thuế GTGT	1.257.050	326.833	1.407.050	365.835	150.000	39.002
	+ Thuế TNDN	652.190	169.569	814.390	211.741	162.200	42.172
	+ Thuế TTĐB	17.180	4.467	19.880	5.169	2.700	702
	+ Thuế tài nguyên	23.660	23.660	24.930	24.930	1.270	1.270
	+ Thuế môn bài						
	+ Thu khác ngoài quốc doanh						
	- Chi Cục thuế thu	824.900	222.910	950.000	255.880	125.100	32.970
	+ Thuế GTGT	527.878	137.248	617.278	160.492	89.400	23.244
	+ Thuế GTGT - Hộ gia đình	140.722	36.588	140.722	36.588		0
	+ Thuế TNDN	132.800	34.528	166.000	43.160	33.200	8.632
	+ Thuế TTĐB	8.900	2.314	10.800	2.808	1.900	494
	+ Thuế TTĐB - Hộ gia đình	3.200	832	3.200	832		
	+ Thuế tài nguyên	11.400	11.400	12.000	12.000	600	600
	+ Thuế môn bài						
	+ Thu khác ngoài quốc doanh						
5	Thuế thu nhập cá nhân	205.000		245.000		40.000	
6	Thuế bảo vệ môi trường	5.500		5.500			
7	Lệ phí trước bạ	272.700	272.700	351.600	351.600	78.900	78.900
	+ Nhà đất	71.000	71.000	71.000	71.000		
	+ Các tài sản khác	201.700	201.700	280.600	280.600	78.900	78.900
8	Thu phí, lệ phí	650.350	122.540	650.350	123.540		1.000
	- Phí và lệ phí Trung ương	512.300		512.300			
	- Phí và lệ phí tỉnh, huyện	125.050	109.540	125.050	110.540		1.000
	+ Phí BVMT đối với khai thác khoáng sản	15.510		14.510		-1.000	
	+ Phí thoát nước đô thị	66.000	66.000	66.000	66.000		
	+ Lệ phí môn bài	17.575	17.575	17.575	17.575		
	+ Phí và lệ phí khác	25.965	25.965	26.965	26.965	1.000	1.000
	- Phí và lệ phí xã	13.000	13.000	13.000	13.000		
	+ Lệ phí môn bài	5.907	5.907	5.907	5.907		
	+ Phí và lệ phí cấp xã khác	7.093	7.093	7.093	7.093		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	13.010	13.010	13.010	13.010		
11	Thu cho thuê mặt đất, mặt nước	231.310	990	234.310	990	3.000	
	- Cục thuế thu	230.320		233.320		3.000	
	- Chi Cục thuế thu	990	990	990	990		
12	Tiền sử dụng đất	640.000	289.000	735.000	298.500	95.000	9.500
	- Cục thuế thu	390.000	39.000	485.000	48.500	95.000	9.500
	- Chi Cục thuế thu	250.000	250.000	250.000	250.000		
13	Thu cấp quyền khai thác khoáng sản						

Stt	Nội dung	Dự toán 2018					
		Dự toán đầu năm		Điều chỉnh		Chênh lệch	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3-1	6=4-2
14	Thu khác ngân sách	102.895	51.895	102.895	51.895		
	- Ngân sách Trung ương	41.000		41.000			
	- Ngân sách tỉnh	10.000		10.000			
	- Ngân sách huyện	45.525	45.525	45.525	45.525		
	- Ngân sách xã	6.370	6.370	6.370	6.370		

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018**

(Kèm theo báo cáo số 8658 /UBND-TCKH ngày 05 / 12 /2018 của UBND thành phố)

Đơn: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2018		So sánh	
		Đầu năm	Điều chỉnh	Chênh lệch	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSDP</b>	<b>1.878.637</b>	<b>1.944.182</b>	<b>65.545</b>	<b>103</b>
<b>I</b>	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	<b>1.497.574</b>	<b>1.703.090</b>	<b>205.516</b>	<b>114</b>
1	Thu NSDP hưởng 100%	785.195	876.465	91.270	112
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	712.379	826.625	114.246	116
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh</b>				
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
2	Thu bổ sung có mục tiêu				
<b>III</b>	<b>Thu kết dư năm 2017</b>	<b>346.325</b>	<b>206.354</b>	<b>-139.971</b>	<b>60</b>
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn kinh phí năm trước</b>	<b>34.738</b>	<b>34.738</b>		<b>100</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>1.868.704</b>	<b>1.934.249</b>	<b>65.545</b>	<b>104</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối NSDP</b>	<b>1.868.704</b>	<b>1.934.249</b>	<b>65.545</b>	<b>104</b>
1	Chi đầu tư phát triển	493.079	451.922	-41.157	92
1.1	Nguồn vốn phân cấp	397.000	407.490	10.490	103
	- Vốn xây dựng cơ bản tập trung	108.000	108.990	990	101
	- Vốn thu tiền chuyển quyền sử dụng đất	289.000	298.500	9.500	103
1.2	Nguồn kết dư ngân sách thành phố (nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2017)	96.079	43.732	-52.347	46
1.3	Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2017		700	700	
2	Chi thường xuyên	1.290.393	1.290.393		100
3	Dự phòng ngân sách	26.152	34.846	8.694	133
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	59.080	157.088	98.008	266
5	Chi nộp ngân sách cấp tỉnh				
<b>II</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>				

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ  
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2018**

(Kèm theo báo cáo số 8658 /UBND-TCKH ngày 05 / 10 / 2018 của UBND thành phố)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán 2018		So sánh	
		Đầu năm	Điều chỉnh	Chênh lệch	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>A</b>	<b>NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>1.764.701</b>	<b>1.830.246</b>	<b>65.545</b>	<b>104</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.393.974	1.599.490	205.516	115
	- Các khoản thu 100%	719.015	810.285	91.270	113
	- Thu phân chia theo tỷ lệ (%)	674.959	789.205	114.246	117
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh				
	- Bổ sung cân đối				
	- Bổ sung có mục tiêu				
3	Thu kết dư năm 2017	341.523	201.552	-139.971	59
	- Chi đầu tư phát triển (từ nguồn tăng thu tiền sử dụng đất năm 2017)	96.079	43.732	-52.347	46
	- Chi thường xuyên	245.444	157.120	-88.324	64
	Trong đó, chi sự nghiệp có tính chất đầu tư (từ nguồn tăng thu tiền SĐĐ năm 2016)	142.636	142.636		100
	- Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2017		700	700	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (chuyển nguồn CCTL để tăng lương lên 1,3)	29.204	29.204		100
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách cấp thành phố</b>	<b>1.764.701</b>	<b>1.830.246</b>	<b>65.545</b>	<b>104</b>
1	Chi đầu tư phát triển	478.933	437.776	-41.157	91
	- Từ nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	93.854	94.844	990	101
	- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	385.079	342.232	-42.847	89
	+ Nguồn SĐĐ theo phân cấp	289.000	298.500	9.500	103
	+ Nguồn tăng thu SĐĐ	96.079	43.732	-52.347	46
	- Ngân sách tỉnh hỗ trợ năm 2017		700	700	
2	Chi thường xuyên	1.115.551	1.115.551		100
3	Dự phòng chi	22.648	31.342	8.694	138
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	55.616	153.624	98.008	276
	- 10% TK để lại ngân sách	6.219	6.219		100
	- 50% tăng thu dự toán	49.397	147.405	98.008	298
5	Chi nộp ngân sách cấp tỉnh				
6	Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã	91.953	91.953		100
7	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

STT	Nội dung	Dự toán 2018		So sánh	
		Đầu năm	Điều chỉnh	Chênh lệch	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
<b>B</b>	<b>NGÂN SÁCH XÃ</b>				
<b>I</b>	<b>Nguồn thu ngân sách</b>	<b>205.889</b>	<b>205.889</b>		<b>100</b>
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	103.600	103.600		100
	- Các khoản thu 100%	66.180	66.180		100
	- Thu phân chia theo tỷ lệ (%)	37.420	37.420		100
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố	91.953	91.953		100
	- Bổ sung cân đối	91.953	91.953		100
	- Bổ sung có mục tiêu				
3	Thu kết dư năm 2017	4.802	4.802		100
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang (chuyển nguồn CCTL để tăng lương lên 1,3)	5.534	5.534		100
<b>II</b>	<b>Chi ngân sách xã</b>	<b>195.956</b>	<b>195.956</b>		<b>100</b>
1	Chi đầu tư phát triển	14.146	14.146		100
	- Từ nguồn XDCB tập trung theo phân cấp	14.146	14.146		
	- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất				
2	Chi thường xuyên	174.842	174.842		
3	Dự phòng chi	3.504	3.504		
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.464	3.464		
	- 10% TK để lại ngân sách	3.464	3.464		
5	Chi chuyển nguồn sang năm sau				